

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2024

“V/v tranh chấp xác định cha cho
con giữa bà T và ông L”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễn

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp xác định cha cho con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- **Bị đơn:** Ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Lưu Văn T1 sinh năm 1974;
Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt bà T và ông L, vắng mặt ông T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Bà và ông Vũ Ngọc L có quan hệ tình cảm yêu đương nam, nữ, có quan hệ sinh lý với nhau nên đã sinh ra cháu Lưu Vũ Ngọc A1 sinh ngày 25/10/2019. Do trong thời gian quan hệ yêu đương với ông L, bà chưa ly hôn với chồng là ông Lưu Văn T1.

Bà và ông T1 tự do, tự nguyện tìm hiểu, dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 18/01/2002. Quá trình chung sống đến năm 2007 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, cũng thời gian đó ông T1 bỏ đi, bà không biết ông T1 đi đâu, làm gì, ở đâu, ông T1 cũng không liên lạc với bất cứ ai.

Thời gian quan hệ yêu đương nam nữ với ông L bà có cho ông L biết vợ chồng bà đã ly hôn, bà nghĩ ông L cũng đã ly hôn. Do chưa ly hôn với ông T1 nên giấy khai sinh số 102 do Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C) thể hiện “Họ, chữ đệm, tên: LƯU VŨ NGỌC A1; ngày tháng năm sinh: 25/10/2019; Họ, chữ đệm, tên người mẹ: NGÔ THỊ T; Họ, chữ đệm, tên người cha: LƯU VĂN T1”.

Bà xác định cháu Lưu Vũ Ngọc A1 ngày 25/10/2019, con do bà sinh ra, là con chung của bà và ông Vũ Ngọc L – ông L là cha của cháu A. Cháu A không phải là con chung của bà và ông Lưu Văn T1 – ông T1 không phải là cha của cháu A.

Bà đã đề nghị Tòa án ra quyết định Trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa bà, ông L với cháu A. Bà đã nhận được kết kết luận giám định ADN của Công ty G, bà nhất trí với kết quả giám định này. Toàn bộ chi phí giám định bà và ông L thỏa thuận với nhau, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cháu Lưu Vũ Ngọc A1 s ngày 25/10/2019 là con do bà sinh ra, là con của ông L, ông L là cha của cháu A1.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Ngọc L trình bày:

Ông và bà Ngô Thị T có quan hệ tình cảm yêu đương nam, nữ, có quan hệ sinh lý với nhau nên bà T đã sinh ra cháu Lưu Vũ Ngọc A1 sinh ngày 25/10/2019.

Do trong thời gian quan hệ yêu đương với ông, bà T có nói cho ông biết bà T đã ly hôn nhưng sau này ông mới biết bà T chưa ly hôn chồng là ông Lưu Văn T1. Ông xác nhận các thông tin về họ tên, cha mẹ của cháu A thể hiện trong giấy khai sinh số 102 như bà T đã trình bày là đúng.

Nay bà T khởi kiện xác định cháu Lưu Vũ Ngọc A1 sinh ngày 25/10/2019, con do bà T sinh ra, là con chung của bà T và ông – ông là cha của cháu Lưu Vũ Ngọc A1, ông nhất trí.

Ông cũng đề nghị Tòa án ra quyết định Trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa ông, bà T với cháu A1. Ông đã nhận được kết kết

luyện giám định ADN của Công ty G, ông nhất trí với kết quả giám định này. Toàn bộ chi phí giám định ông và bà T thỏa thuận với nhau, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn T1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh với gia đình ông Lưu Văn T1, cơ sở thôn C, xã C thấy:
Bà Ngô Thị T và ông Lưu Văn T1 là vợ chồng. Hiện tại, ông T1 không sinh sống tại địa phương, không ai biết ông T1, đi đâu, làm gì, ở đâu. Đã từ lâu ông T1 không liên hệ gì với gia đình và địa phương. Nay bà T đề nghị Toà án xác định ông Vũ Ngọc L là cha của cháu Lưu Vũ Ngọc A1 sinh ngày 25/10/2019, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên Viện kiểm sát không đưa quan điểm chấp hành pháp luật của họ tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T xác định cháu Lưu Vũ Ngọc A1 sinh ngày 25/10/2019 - con do bà T sinh ra là con của ông Vũ Ngọc L. Về chi phí giám định: Bà T đã nộp đủ nên không xét. Miễn án phí xác định cha cho con cho bà T, ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị T khởi kiện ông Vũ Ngọc L để xác định cháu Lưu Vũ Ngọc An s ngày 25/10/2019 là con ông L nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn T1, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T1 là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định cha cho con: Bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cháu Lưu Vũ Ngọc An s ngày 25/10/2019 là con của ông L. Ông Vũ Ngọc L cũng xác định cháu A1 là con của ông L.

Bà Ngô Thị T cháu Lưu Vũ Ngọc A1 trong thời gian còn tồn tại quan hệ hôn nhân với ông Lưu Văn T1 nên giấy khai sinh số 102 do Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C) thể hiện “Họ, chữ đệm, tên: LƯU VŨ NGỌC A1; ngày tháng năm sinh: 25/10/2019; Họ, chữ đệm, tên người mẹ: NGÔ THỊ T; Họ, chữ đệm, tên người cha: LƯU VĂN T1”.

Do đó, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 04/2024/QĐ-TCGD ngày 28/5/2024 để xác định quan hệ huyết thống giữa ông Vũ Ngọc L, bà Ngô Thị T với cháu Lưu Vũ Ngọc A1. Tại Kết quả xét nghiệm số 55857H/2024 ngày 06/6/2024 của Công ty TNHH C, kết luận: “1. Vũ Ngọc L có quan hệ huyết thống bố - con với Lưu Vũ Ngọc A1, độ tin cậy 99,999999%; 2. Ngô Thị T có quan hệ huyết thống mẹ - con với Lưu Vũ Ngọc A1, độ tin cậy 99,999999%”.

Như vậy, có đầy đủ căn cứ xác định ông Vũ Ngọc L là cha (bố) của cháu Lưu Vũ Ngọc An s ngày 25/10/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 88 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về chi phí giám định: Số tiền chi phí giám định 7.000.000 đồng, Bà Ngô Thị T đã thanh toán xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Ngô Thị T, ông Vũ Ngọc L có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí là phù hợp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T: Xác định cháu Lưu Vũ Ngọc A1 sinh ngày 25/10/2019 – con do bà Ngô Thị T sinh ra là con của ông Vũ Ngọc L.

2. Về chi phí giám định: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3.Về án phí: Miễn án phí xác định con cho cha cho bà Ngô Thị T, ông Vũ Ngọc L.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị T và bị đơn ông Vũ Ngọc L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn T1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã C, h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Duyên